

I. Write these phrases in English.

Đang xem video

Đang nghe nhạc

Đang viết chính tả

Đang đọc một văn bản

Đang sơn mặt nạ

Đang làm những con rối

Đang chơi cầu lông

Đang làm máy bay giấy

Ở nhà

Ở sở thú

Trên bãi biển

Ở thư viện trường

Đã chơi cầu lông

Đã vẽ 1 bức tranh

Đã tưới hoa

II. Translate into English.

1. Bạn đang làm gì vậy? Tôi đang nghe nhạc.

.....

2. Họ đang làm gì vậy? – Họ đang làm máy bay giấy.

.....

3. Anh ấy đang viết chính tả phải không? – Đúng rồi.

.....

4. Mai đang làm những con rối.

.....

5. Hôm qua bạn ở đâu? – Tôi ở nhà.

.....
6. Bạn đã làm gì vào buổi sáng?

.....
7. Tôi đã ở thư viện trường.

.....
8. Tối qua bạn đã vẽ 1 bức tranh phải không?

.....
9. Hôm qua cô ấy đã chơi cầu lông.

.....
10. Hôm nay bạn có những môn học gì?

.....
11. Tôi có môn toán, tiếng Việt, tiếng Anh và thể dục.

.....
12. Hôm nay bạn có môn khoa học không?

.....
13. Khi nào bạn có môn mỹ thuật?

.....
14. Bạn thích làm gì?

.....
15. Cô ấy thích làm gì?

.....
16. Cô ấy thích chơi cầu lông.

.....
17. Bạn có thích chơi cờ vua không?

.....
18. Tên của trường bạn là gì?

.....
19. Bạn học lớp nào?

.....
20. Tôi có thể bơi nhưng tôi không thể trượt patin.